Hoạt động tự nguyện trong Lễ hội Quán Thế Âm ở Đồng bằng sông Cửu Long nhìn từ công tác dân vận

Voluntary activities at the Quan The Am Festival in the Mekong Delta from the perspective of mass mobilization

ThS. NGUYỄN TẤN TRẠNG
Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp; Email: nguyentantrang.truongdang@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/8/2026 Ngày phản biện: 18/8/2026 Ngày chấp nhận đăng: 20/9/2026
Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị

Tóm tắt: *Bài viết phân tích hoạt động tự nguyện trong Lễ hội Quán Thế Âm ở Đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn công tác dân vận, dựa trên nghiên cứu định tính giai đoạn 2025 - 2026 tại bốn cơ sở Phật giáo ở Cà Mau, Đồng Tháp, Cần Thơ và An Giang. Kết quả cho thấy các hoạt động phục vụ người tham dự chủ yếu đáp ứng những nhu cầu thiết thực về ăn uống, hậu cần và vệ sinh; đồng thời được hình thành từ niềm tin tôn giáo, quan hệ cộng đồng và nếp tự tổ chức. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khung phân tích ba lớp gồm nguồn khởi phát, cơ chế điều phối và giới hạn trách nhiệm, qua đó gợi mở yêu cầu lắng nghe nhu cầu thực tế, tôn trọng vai trò chủ động của cộng đồng và kết nối nguồn lực phù hợp theo chức năng, thẩm quyền.*
Từ khóa: *dân vận; hoạt động tự nguyện; Lễ hội Quán Thế Âm; Phật giáo; Đồng bằng sông Cửu Long.*

Abstract: *This article analyzes voluntary activities at the Quan The Am Festival in the Mekong Delta from the perspective of mass mobilization, based on qualitative research conducted during 2025 - 2026 at four Buddhist establishments in Ca Mau, Dong Thap, Can Tho, and An Giang. The findings show that services for festival participants primarily address practical needs related to food, logistics, and sanitation, while these activities are shaped by religious faith, community relationships, and established practices of self-organization. On this basis, the article proposes a three-layer analytical framework comprising sources of initiation, coordination mechanisms, and boundaries of responsibility, thereby highlighting the need to listen to actual community needs, respect the proactive role of communities, and connect appropriate resources according to functions and authority.*
Keywords: *mass mobilization; voluntary activities; Quan The Am Festival; Buddhism; Mekong Delta.*

1. Đặt vấn đề

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận đặt nhân dân ở vị trí chủ thể, nhấn mạnh yêu cầu đi vào đời sống, lắng nghe, bàn bạc và cùng dân thực hiện những công việc thiết thực (Hồ Chí Minh, 2011). Nghị quyết số 25 - NQ/TW ngày 3/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI tiếp tục khẳng định yêu cầu phát huy quyền làm chủ, chăm lo lợi ích chính đáng và đổi mới phương thức vận động nhân dân. Quyết định số 23 - QĐ/TW xác định trách nhiệm thực hiện công tác dân vận theo chức năng của từng chủ thể. Nghị quyết số 43 - NQ/TW đặt việc phát huy vai trò chủ thể, sức sáng tạo và nguồn lực trong nhân dân trong yêu cầu củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013, 2023; Bộ Chính trị, 2021). Trên nền tảng đó, dân vận khéo được xem xét như một cách thức vận động dựa trên việc lắng nghe nhu cầu thực tế, nhận diện khả năng tự tổ chức của cộng đồng và kết nối phù hợp các chủ thể với những phần việc cần thiết. Trong không gian lễ hội tôn giáo, cách thức này gắn với việc tôn trọng vai trò chủ động của người dân, nếp tổ chức của tự viện và những yếu tố thúc đẩy sự tham gia cộng đồng như niềm tin tôn giáo, quan hệ xã hội, truyền thống công quả và tinh thần tương trợ.

Các nghiên cứu về tình nguyện cho thấy hành vi tự nguyện vừa gắn với lựa chọn cá nhân, vừa được định hình bởi quan hệ xã hội và môi trường tổ chức. Wilson (2000) xem tình nguyện là việc tự do dành thời gian cho lợi ích của người khác, của một nhóm hoặc một mục tiêu chung,

đồng thời nhấn mạnh vai trò của mạng lưới xã hội và hoạt động tổ chức. Storm (2015) chỉ ra rằng mối liên hệ giữa tôn giáo và sự tham gia xã hội thường được hình thành thông qua mạng lưới và thực hành tập thể. Trong mối liên hệ giữa tôn giáo và hành vi tự nguyện, niềm tin thường được biểu hiện thông qua các quan hệ xã hội và những thực hành tập thể cụ thể. Vì vậy, việc xem xét hoạt động tự nguyện cần đặt trong bối cảnh tổ chức của cơ sở tôn giáo và mạng lưới quan hệ cộng đồng nơi các hoạt động đó được hình thành, duy trì. Từ sự giao thoa giữa hoạt động tự nguyện, tổ chức tôn giáo và công tác dân vận, nghiên cứu tập trung làm rõ hai vấn đề: Hoạt động tự nguyện quanh Lễ hội Quán Thế Âm được hình thành, tổ chức như thế nào; và những thực hành này gợi mở yêu cầu gì đối với các chủ thể thực hiện công tác dân vận ở cơ sở. Trên cơ sở phân tích thực tiễn tại một số trường hợp nghiên cứu, nghiên cứu đề xuất khung phân tích ba lớp gồm nguồn khởi phát, cơ chế điều phối và giới hạn trách nhiệm. Khung phân tích này góp phần nhận diện động lực tham gia, cách thức tổ chức nguồn lực và phạm vi trách nhiệm của các chủ thể trong từng phần việc, qua đó làm rõ khả năng kết nối, hỗ trợ phù hợp với chức năng của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo thiết kế định tính đa trường hợp, kết hợp đối chiếu giữa các địa điểm khảo sát. Trong phạm vi bài viết, "Lễ hội Quán Thế Âm" được xác định như một khái niệm thao tác, bao gồm những sinh hoạt gắn trực tiếp với các dịp vía và hoạt động phục vụ cộng đồng diễn ra trong thời gian này. Các sinh hoạt thường xuyên của tự viện, như công quả, chuẩn bị hậu cần, tổ chức không gian và đón tiếp người đến chùa, được sử dụng như tư liệu bổ trợ để làm rõ bối cảnh tổ chức và cách thức huy động nguồn lực quanh các dịp vía Quán Thế Âm. "Hoạt động tự nguyện" chỉ sự đóng góp thời gian, công sức, kỹ năng hoặc nguồn lực trên cơ sở tự giác, hướng đến việc phục vụ người khác hoặc lợi ích chung. Các cách gọi "công quả", "thiện nguyện" và "tình nguyện" được giữ theo cách dùng của người tham gia và cơ sở tôn giáo; trong quá trình phân tích, từng cách gọi được đặt trong ngữ cảnh cụ thể để tránh đồng nhất những hình thức tham gia có nội hàm và phạm vi khác nhau.

Tiếp cận từ góc nhìn công tác dân vận hướng sự phân tích vào ba phương diện: Cách nhận diện nhu cầu của cộng đồng; cách kết nối nguồn lực sẵn có; và sự phối hợp giữa cơ sở tôn giáo, các nhóm tự nguyện với những chủ thể trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Khung phân tích được triển khai qua năm câu hỏi: nhu cầu nào đang hiện hữu; ai khởi xướng; ai điều phối; trách nhiệm thuộc về chủ thể nào; phản hồi được tiếp nhận và xử lý ra sao. Năm câu hỏi này làm rõ vai trò chủ động của người dân, khả năng tự tổ chức của cộng đồng và những điều kiện cần thiết để sự hỗ trợ đáp ứng đúng nhu cầu thực tế.

Đối với các hoạt động trong không gian tôn giáo, khung tiếp cận này dựa trên nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo và tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời khuyến khích phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo trong đời sống xã hội (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2023). Trên cơ sở đó, sinh hoạt nội bộ của cơ sở Phật giáo được phân biệt với những hoạt động liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng, qua đó xác định phạm vi tham gia và trách nhiệm của từng bên.

Trong phạm vi nghiên cứu, "các chủ thể thực hiện công tác dân vận ở cơ sở" gồm cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Vai trò của nhóm chủ thể này được xem xét qua việc lắng nghe, duy trì kênh trao đổi, kết nối nguồn lực và phối hợp giải quyết những vấn đề của cộng đồng theo đúng chức năng, thẩm quyền.

Khối dữ liệu thực địa sử dụng trong bài viết thuộc hồ sơ nghiên cứu của luận án tiến sĩ "Lễ hội Quán Thế Âm trong đời sống tinh thần của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay". Tác giả trực tiếp thu thập dữ liệu trong các đợt khảo sát giai đoạn 2025-2026 tại bốn địa điểm: Quan Âm Phật Đài, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau; Chùa Quan Âm Linh Ứng, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ; Chùa Vạn Linh trên Núi Cấm, xã Núi Cấm, tỉnh An Giang; và Chùa Liên Hoa, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp. Hồ sơ nghiên cứu gồm 43 hồ sơ người tham gia đã được mã hóa và ẩn danh, 6 cuộc phỏng vấn sâu, 21 đoạn trao đổi có ghi âm, 33 ghi chép hiện trường và 10 lượt khảo sát kèm ảnh đối chiếu. Do một người có thể xuất hiện trong nhiều loại tư liệu, số lượng ở từng nhóm nguồn được trình bày riêng và không cộng lại thành một tổng số người tham gia. Khi sử dụng, thông tin được ẩn danh và ghi rõ địa điểm, thời gian, loại tư liệu và vai trò của người cung cấp thông tin; nội dung từ các bản ghi âm chủ yếu được diễn giải lại, không trích dẫn nguyên văn.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Hoạt động tự nguyện gắn với những nhu cầu thiết thực

Ở hai trường hợp trọng tâm, hoạt động tự nguyện được

thể hiện rõ qua những phần việc đáp ứng nhu cầu trực tiếp của người tham dự. Tại Quan Âm Phật Đài ở Cà Mau, trong dịp vía Quán Thế Âm ngày 13/7/2025 dương lịch (tức ngày 19/6/2025 âm lịch), ghi chép hiện trường của tác giả cho thấy người nhận cơm xếp hàng theo lượt; các nhóm phục vụ chia cơm chay, trong khi khu bếp được tổ chức theo từng công đoạn. Trong cuộc trao đổi đầu tháng 3/2026, đại diện bộ phận hậu cần cho biết vào những dịp đông người, nhà chùa vận động phật tử và mạnh thường quân hỗ trợ rạp che, nước uống và các bữa ăn miễn phí. Thông tin này bổ sung cho quan sát thực địa, cho thấy nguồn lực phục vụ lễ hội được hình thành từ sự kết hợp giữa đóng góp của cộng đồng và cách thức tổ chức của cơ sở tôn giáo. Qua đó, sự tự nguyện không chỉ nằm ở từng phần việc cụ thể như chuẩn bị, chia suất ăn, vận chuyển vật dụng hay thu dọn, mà còn thể hiện ở khả năng phối hợp để duy trì hoạt động phục vụ trong suốt thời gian diễn ra lễ.

Tại Chùa Liên Hoa ở Đồng Tháp, trong cuộc trao đổi ngày 14/8/2025, một đại diện tự viện cho biết vào dịp vía Quán Thế Âm, người dân ở gần và xa thường mang gạo, rau củ hoặc thực phẩm đến chùa để cùng chuẩn bị các bữa ăn chay phục vụ người tham dự. Những đóng góp này xuất phát từ điều kiện và khả năng khác nhau của từng người, nhưng cùng hướng đến việc đáp ứng nhu cầu chung của cộng đồng trong không gian lễ hội. Đối chiếu với quan sát về bếp ăn tại Quan Âm Phật Đài, tư liệu từ hai trường hợp trọng tâm cho thấy sự tự nguyện được hình thành qua những phần việc cụ thể, trong đó mỗi cá nhân tham gia bằng khả năng của mình và cùng góp phần duy trì hoạt động phục vụ chung.

Trong một số lời kể thực địa, việc góp sức còn được diễn giải thông qua ngôn ngữ của lòng từ bi. Trong truyền thống Đại thừa, Quán Thế Âm được xem là biểu tượng của lòng từ bi (Yü, 2001). Khi các hoạt động như nấu cơm, chuyển nước hay thu dọn được đặt trong cách hiểu về sự sẻ chia, biểu tượng tôn giáo trở thành một nguồn tham chiếu giúp người tham gia lý giải ý nghĩa của hành động mình thực hiện. Tuy nhiên, mức độ tham gia không chỉ được hình thành từ niềm tin tôn giáo, mà còn gắn với quan hệ cộng đồng, điều kiện tổ chức và lựa chọn cá nhân.

Sự đa dạng của động cơ tham dự thể hiện rõ qua những người cùng hiện diện trong không gian lễ hội nhưng có mục đích khác nhau. Trong cuộc trao đổi ngày 13/7/2025 tại Quan Âm Phật Đài ở Cà Mau, một nam thanh niên cho biết nhóm của anh đến tham quan, chụp ảnh và chia sẻ nội dung trên mạng xã hội trong bối cảnh địa điểm này đang được quan tâm. Tại Chùa Liên Hoa ở Đồng Tháp, ngày 19/2/2026, một nữ du khách đi cùng gia đình cho biết chị đến vui xuân, ngắm cảnh ven sông và chụp ảnh, dù không theo Phật giáo. Những trường hợp này cho thấy sự hiện diện trong không gian lễ hội có thể xuất phát từ nhiều động cơ khác nhau như thực hành tín ngưỡng, tham quan, trải nghiệm không gian văn hóa hoặc giao lưu xã hội. Vì vậy, khi xem xét hoạt động tự nguyện, cần phân biệt giữa sự hiện diện tại lễ hội, động cơ tham dự và quyết định tham gia các phần việc phục vụ cộng đồng. Cách phân biệt này giúp các chủ thể thực hiện công tác dân vận ở cơ sở hiểu đúng nhu cầu của từng nhóm người tham dự và lựa chọn hình thức kết nối phù hợp.

3.2. Nếp tự tổ chức và nguồn lực cộng đồng

Hoạt động tự nguyện tại hai trường hợp trọng tâm vận hành trên nền một nếp tổ chức đã hình thành. Tại Quan Âm Phật Đài ở Cà Mau, khu vực bếp được bố trí theo từng công đoạn; tại Chùa Liên Hoa ở Đồng Tháp, thực phẩm do người dân mang đến được tiếp nhận và đưa vào hoạt động phục vụ chung của chùa. Trong phạm vi tổ chức tại cơ sở, tự viện giữ vai trò tiếp nhận, sắp xếp không gian và gắn sự góp sức của người tham gia với từng phần việc cụ thể. Cách vận hành này cho thấy tính tự nguyện có thể đi cùng sự phân công, phối hợp và kinh nghiệm tổ chức được tích lũy trong cộng đồng.

Cách vận hành trên cho thấy nguồn lực cộng đồng không chỉ bao gồm thực phẩm, thời gian và công sức được đóng góp, mà còn bao hàm những yếu tố ít hữu hình hơn như kinh nghiệm phối hợp, quan hệ quen biết, đầu mối điều hành và thói quen cùng làm việc. Khi một hoạt động đã hình thành đầu mối và phương thức phối hợp, việc bổ sung nguồn lực cần dựa trên những nhu cầu cụ thể: Người tham gia đang thiếu điều kiện gì, phần việc nào cần thêm hỗ trợ, trách nhiệm của mỗi bên được xác định ra sao. Nhận diện đúng những yếu tố này giúp nguồn lực bổ sung phù hợp hơn với thực tiễn và hạn chế sự xáo trộn đối với nếp tự tổ chức đã hình thành.

Ở phương diện tổ chức, việc lắng nghe nhu cầu thực tế giúp nhận diện năng lực sẵn có và những giới hạn hỗ trợ trước khi kết nối thêm nguồn lực. Một bếp ăn có thể cần điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển và tiếp nhận nguyên liệu; một nhóm phục vụ có thể cần đầu mối liên hệ rõ ràng hoặc hướng dẫn về an toàn; trong khi các nghi thức và sinh hoạt nội bộ vẫn thuộc phạm vi tổ chức của tự viện. Khi nhu cầu được xác định phù hợp, nguồn lực hỗ trợ có điều kiện được kết nối đúng với phần việc cần thiết.

Khối tư liệu hiện có chủ yếu phản ánh trải nghiệm của người tham gia, góc nhìn của đại diện tự viện và những diễn biến được ghi nhận tại hiện trường. Các tư liệu này

cho phép nhận diện cách thức nguồn lực cộng đồng được hình thành, huy động và duy trì trong không gian lễ hội, thông qua sự kết hợp giữa niềm tin tôn giáo, quan hệ xã hội và kinh nghiệm cùng làm việc. Đồng thời, việc tiếp tục bổ sung các tư liệu về quá trình trao đổi trước lễ, sự phối hợp giữa các chủ thể và đánh giá sau hoạt động sẽ góp phần làm rõ hơn cơ chế kết nối giữa cơ sở Phật giáo, nhóm tự nguyện và các chủ thể thực hiện công tác dân vận ở cơ sở. Những phát hiện từ khảo sát là cơ sở để gợi mở các vấn đề về phát huy nguồn lực cộng đồng, sự phối hợp phù hợp và vai trò của từng chủ thể trong quá trình tổ chức các hoạt động gắn với đời sống tôn giáo, văn hóa tại địa phương.

3.3. Phân định trách nhiệm để bảo đảm an toàn

Hoạt động tự nguyện có điều kiện phát huy hiệu quả hơn khi phạm vi trách nhiệm của các chủ thể được xác định rõ. Các phần việc liên quan đến chuẩn bị thực phẩm, tổ chức lối đi khi lượng người tăng, hỗ trợ người cao tuổi và người có thể trạng yếu, kết nối giao thông đều cần có sự phối hợp phù hợp. Người tham gia tự nguyện có thể đảm nhận những phần việc như chỉ dẫn, chuyển nước, phụ bếp hoặc thu dọn; trong khi các nhiệm vụ liên quan đến an ninh, y tế, điều tiết giao thông và ứng phó sự cố cần được thực hiện bởi các cơ quan, lực lượng có thẩm quyền theo chức năng. Việc phân định rõ trách nhiệm góp phần hạn chế rủi ro và tạo điều kiện bảo đảm an toàn cho người tham gia phục vụ cũng như người tham dự lễ hội.

Tại Chùa Vạn Linh trên Núi Cấm, tỉnh An Giang, điều kiện địa hình đặt ra những yêu cầu riêng đối với việc tổ chức và hỗ trợ người hành hương. Ghi chép hiện trường ngày 15/1/2026 cho thấy khách có thể tiếp cận chùa bằng cáp treo hoặc lựa chọn đi bộ theo đường dốc núi. Sự khác biệt về phương thức di chuyển, thời gian và thể lực của người hành hương cho thấy việc tổ chức không gian phục vụ cần tính đến nhiều nhóm nhu cầu khác nhau, nhất là đối với người cao tuổi và người có thể trạng yếu.

Vệ sinh và cảnh quan cũng là những vấn đề cần được quan tâm khi lượng người tập trung tăng. Tại Quan Âm Phật Đài, phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau, trong cuộc trao đổi ngày 13/7/2025, một công nhân vệ sinh phản ánh áp lực thu gom bao bì, chai nhựa và vật liệu còn lại sau những thời điểm đông người. Tại Chùa Liên Hoa, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp, một phật tử cao tuổi trong đợt khảo sát tháng 8/2025 đề cập đến khói nhang, vàng mã, rác nhựa và một số cách chụp ảnh mà ông nhận thấy chưa phù hợp với sự trang nghiêm của không gian thờ tự. Trong cuộc trao đổi ngày 5/4/2026, một đại diện của chùa cũng đề cập đến những bất cập trên tuyến đường dẫn vào cơ sở và một số điểm buôn bán chim, cá tự phát bên ngoài cổng chùa gắn với nhu cầu phóng sinh của một bộ phận người tham dự. Những thông tin từ thực địa cho thấy các vấn đề như vệ sinh, cảnh quan, trật tự tuyến đường và hoạt động phát sinh quanh khu vực thờ tự cần tiếp tục được quan tâm trong quá trình tổ chức lễ hội.

Đối với công tác dân vận, việc vận động thay đổi hành vi chỉ có thể phát huy tác dụng khi gắn với những điều kiện cụ thể giúp người dân chuyển nhận thức thành hành động. Thông tin cần rõ ràng; không gian phục vụ cần thuận tiện; điểm thu gom rác cần dễ nhận biết; các nhóm tham gia cần có đầu mối liên hệ khi gặp những vấn đề vượt quá khả năng xử lý. Theo chức năng của từng chủ thể, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở có vai trò trong việc định hướng, phối hợp, duy trì kênh trao đổi và kết nối nguồn lực; trong khi các cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, y tế, giao thông và xử lý sự cố theo thẩm quyền (Bộ Chính trị, 2021). Khi trách nhiệm được phân định phù hợp, sự tự nguyện của cộng đồng có điều kiện được phát huy trong một môi trường lễ hội an toàn, trật tự và hài hòa.

3.4. Chu trình phối hợp phát huy hoạt động tự nguyện

Từ các phát hiện trên, nghiên cứu đề xuất khung phân tích gồm ba lớp: nguồn khởi phát, cơ chế điều phối và giới hạn trách nhiệm. Trong đó, nguồn khởi phát giúp làm rõ những yếu tố thúc đẩy sự tham gia tự nguyện, từ động cơ cá nhân, các mối quan hệ trong cộng đồng đến ý nghĩa mà người tham gia cảm nhận từ việc góp sức; cơ chế điều phối tập trung nhận diện cách nguồn lực được tiếp nhận, phân công và gắn với từng phần việc cụ thể; giới hạn trách nhiệm làm rõ phạm vi tham gia của từng chủ thể, những phần việc cần hỗ trợ chuyên môn và trách nhiệm thuộc về chủ thể có chức năng. Giá trị của khung phân tích này nằm ở việc không chỉ mô tả các hoạt động hỗ trợ trong lễ hội, mà còn nhận diện cách nguồn lực tự nguyện được hình thành, vận hành và kết nối với vai trò phù hợp của công tác dân vận.

Khung ba lớp đồng thời tạo cơ sở liên hệ giữa dữ liệu thực địa với các nghiên cứu về tình nguyện. Nhận định của Wilson (2000) về vai trò của quan hệ xã hội và môi trường tổ chức, cùng phân tích của Storm (2015) về vai trò trung gian của mạng lưới tôn giáo, cho thấy động cơ cá nhân chỉ là một yếu tố trong quá trình tham gia. Qua các trường hợp khảo sát, nếp công quả, kinh nghiệm cộng tác và đầu mối điều phối đã góp phần chuyển hóa ý nghĩa từ niềm tin tôn giáo thành những hành động cụ thể. Cách tiếp cận này vừa bảo lưu vai trò của văn hóa tôn giáo, vừa

đặt hành vi tự nguyện trong mạng lưới quan hệ xã hội và điều kiện tổ chức cụ thể.

Dưới góc nhìn công tác dân vận, lắng nghe trở thành cơ sở để kết nối nguồn lực khi tiếng nói của người trực tiếp tham gia được chuyển hóa thành thông tin phục vụ phối hợp. Từ những nhu cầu được phản ánh, các chủ thể thực hiện công tác dân vận ở cơ sở có thể cùng đại diện tự viện và nhóm tự nguyện nhận diện nguồn lực hiện có, những phần việc cần hỗ trợ chuyên môn và phạm vi trách nhiệm của từng bên. Hàm ý cốt lõi không nằm ở việc thay thế vai trò tự tổ chức của cộng đồng, mà ở việc kết nối phù hợp giữa nhu cầu thực tế, nguồn lực sẵn có và chức năng của từng chủ thể.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu gợi mở một chu trình phối hợp gồm ba giai đoạn: trước lễ, trong thời gian diễn ra hoạt động và sau lễ. Trước lễ, các chủ thể liên quan có thể trao đổi với đại diện tự viện và nhóm tự nguyện về những vấn đề như hậu cần, vệ sinh, tuyến di chuyển, hỗ trợ người cao tuổi, người có thể trạng yếu và phương thức xử lý tình huống phát sinh. Trong thời gian diễn ra hoạt động, đầu mối được phân công tiếp nhận thông tin; các cơ quan, lực lượng chuyên môn xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền; các nghi thức và sinh hoạt nội bộ do cơ sở tôn giáo tổ chức. Sau lễ, việc rà soát những điểm cần điều chỉnh, ghi nhận đóng góp và chuẩn bị cho các lần tổ chức tiếp theo có thể góp phần nâng cao khả năng phối hợp giữa các chủ thể. Cách tiếp cận này phù hợp với vai trò kết nối của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và trách nhiệm dân vận của hệ thống chính trị (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2023; Bộ Chính trị, 2021), đồng thời được đặt trong khuôn khổ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tuân thủ pháp luật hiện hành.

Trong khung phân tích này, tinh thần từ bi được một số người tham gia sử dụng để lý giải việc góp sức được xem như nguồn ý nghĩa đạo đức của sự sẻ chia; còn mạng lưới cộng đồng và nếp tổ chức là điều kiện giúp những ý nghĩa ấy chuyển hóa thành hành động cụ thể. Với hướng tiếp cận này, hoạt động tự nguyện trong Lễ hội Quán Thế Âm được nhìn nhận không chỉ như những phần việc hỗ trợ trực tiếp, mà còn như một dạng nguồn lực cộng đồng được hình thành, duy trì và phát huy trong mối liên hệ giữa đời sống tôn giáo, quan hệ xã hội và sự phối hợp của các chủ thể ở cơ sở.

4. Kết luận

Qua khảo sát hoạt động tự nguyện trong Lễ hội Quán Thế Âm ở Đồng bằng sông Cửu Long, có thể thấy những phần việc phục vụ người tham dự không chỉ đáp ứng các nhu cầu trực tiếp trong không gian lễ hội, mà còn phản ánh khả năng cộng đồng tự tổ chức và duy trì các hình thức tương trợ trong đời sống xã hội. Tại Quan Âm Phật Đài (Cà Mau) và Chùa Liên Hoa (Đồng Tháp), sự đóng góp về thực phẩm, công sức, hậu cần và vệ sinh cho thấy nguồn lực cộng đồng được hình thành từ những nhu cầu cụ thể, gắn với niềm tin tôn giáo, quan hệ xã hội và kinh nghiệm cùng làm việc. Các trường hợp đối chiếu tại Chùa Quan Âm Linh Ứng (Cần Thơ) và Chùa Vạn Linh (An Giang) góp phần làm rõ sự khác biệt về không gian tổ chức, điều kiện tham dự và những yêu cầu trong quá trình phục vụ cộng đồng.

Những biểu hiện trên cho thấy nguồn lực tự nguyện trong lễ hội không chỉ được tạo nên từ sự đóng góp của cá nhân, mà còn gắn với quá trình kết nối, điều phối và phân định trách nhiệm giữa các chủ thể liên quan. Dưới góc nhìn công tác dân vận, khung phân tích ba lớp gồm nguồn khởi phát, cơ chế điều phối và giới hạn trách nhiệm góp phần làm rõ cách thức nguồn lực cộng đồng được hình thành, tổ chức và vận hành trong thực tiễn. Qua đó, nghiên cứu gợi mở yêu cầu lắng nghe nhu cầu thực tế, tôn trọng vai trò chủ động của cộng đồng và tạo điều kiện cho sự phối hợp phù hợp với chức năng, thẩm quyền của từng chủ thể trong các hoạt động gắn với đời sống tôn giáo, văn hóa ở cơ sở./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.*

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2023). *Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.*

3. Bộ Chính trị. (2021). *Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.*

4. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập.* T.6. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.

5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2016). *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016.*

6. Storm, I. (2015). Civic engagement in Britain: The role of religion and inclusive values. European Sociological Review, 31(1), 14–29.

7. Wilson, J. (2000). Volunteering. Annual Review of Sociology 26, 215–240.